

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 03-Ban QLDA Khe Chàm II-IV
Tháng 12 năm 2018

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương phép		Lương 100%		PC HĐCĐ	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương			BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Thuế TN	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư			
1	01	Tổ quản lý			188		97.346.241	20	5.974.923			1.620.000	104.941.164	4.971.100	932.200	621.300	1.049.500	495.000	4.000.000	57.200		12.126.300	92.814.864	
1	HL-00089	Đào Ngọc Thắng	Phó Giám đốc Ban DA	6.948.000	23	A	13.948.000						13.948.000	555.800	104.200	69.500	139.500	55.000	1.000.000			1.924.000	12.024.000	
2	HL-06468	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Giám đốc Ban DA	5.593.000	23	A	13.948.000						13.948.000	447.400	83.900	55.900	139.500	55.000	3.000.000			3.781.700	10.166.300	
3	HL-03759	Ngô Văn Hải	Trưởng phòng Kỹ thuật ban	7.702.000	24	A	12.952.000						12.952.000	616.200	115.500	77.000	129.500	55.000				993.200	11.958.800	
4	HL-00076	Phan Văn Nghiêm	Trưởng phòng Kỹ thuật ban	8.060.000	9	A	5.330.095	13	4.030.000				9.360.095	644.800	120.900	80.600	93.600	55.000		28.600		1.023.500	8.336.595	
5	HL-00118	Trần Văn Chắp	Trưởng phòng Nghiệp vụ	8.060.000	23	A	11.548.204						11.548.204	644.800	120.900	80.600	115.500	55.000				1.016.800	10.531.404	
6	HL-03534	Vĩ Huy Tùng	Phó phòng ban	6.373.000	23	A	14.761.524						14.761.524	509.800	95.600	63.700	147.600	55.000				871.700	13.889.824	
7	HL-04920	Nguyễn Hữu Sơn	Phó phòng ban	6.090.000	24	A	9.597.000						9.597.000	487.200	91.400	60.900	96.000	55.000				790.500	8.806.500	
8	HL-00092	Nguyễn Tiến Dũng	Phó phòng ban	7.224.000	16	A	5.664.418	7	1.944.923			810.000	8.419.341	577.900	108.400	72.200	84.200	55.000				897.700	7.521.641	
9	HL-00156	Nguyễn Đình Khương	Phó phòng ban	6.090.000	23	A	9.597.000					810.000	10.407.000	487.200	91.400	60.900	104.100	55.000		28.600		827.200	9.579.800	
2	08	Tổ chuyên viên			484		151.044.847	19	3.889.538	3	513.231	810.000	156.257.616	9.004.000	1.688.800	1.125.600	1.562.400	1.210.000		57.200	710.667	15.358.666	140.898.950	
10	HL-06666	Nguyễn Tiến Chinh	Chuyên viên	4.904.000	23	A	6.933.000						6.933.000	392.300	73.600	49.000	69.300	55.000				639.200	6.293.800	
11	HL-06689	Vũ Công Thành Thái	Chuyên viên	4.448.000	20	A	6.239.000			3	513.231		6.752.231	355.800	66.700	44.500	67.500	55.000				589.500	6.162.731	
12	HL-05813	Lưu Mạnh Tuấn	Chuyên viên	4.670.000	23	A	8.024.000						8.024.000	373.600	70.100	46.700	80.200	55.000				625.600	7.398.400	
13	HL-02830	Nguyễn Văn Hải	Chuyên viên	6.259.000	18	A	8.024.000	4	962.923				8.986.923	500.700	93.900	62.600	89.900	55.000		57.200		859.300	8.127.623	
14	HL-05486	Tô Long Vương	Chuyên viên	4.670.000	17	A	5.647.143	6	1.077.692				6.724.835	373.600	70.100	46.700	67.200	55.000				612.600	6.112.235	
15	HL-00147	Trần Đức Mạnh	Chuyên viên	4.904.000	23	A	6.933.000						6.933.000	392.300	73.600	49.000	69.300	55.000				639.200	6.293.800	
16	HL-02132	Trần Xuân Du	Chuyên viên	5.406.000	23	A	6.933.000						6.933.000	432.500	81.100	54.100	69.300	55.000				692.000	6.241.000	
17	HL-03607	Trần Văn Vui	Chuyên viên	4.904.000	23	A	6.933.000						6.933.000	392.300	73.600	49.000	69.300	55.000			355.333	994.533	5.938.467	
18	HL-04590	Phạm Quý Mạnh	Chuyên viên	5.677.000	23	A	7.333.000						7.333.000	454.200	85.200	56.800	73.300	55.000				724.500	6.608.500	
19	HL-04772	Nguyễn Quang Hội	Chuyên viên	4.670.000	23	A	6.933.000						6.933.000	373.600	70.100	46.700	69.300	55.000				614.700	6.318.300	
20	HL-01893	Đào Văn Hùng	Chuyên viên	5.677.000	23	A	6.933.000						6.933.000	454.200	85.200	56.800	69.300	55.000				720.500	6.212.500	
21	HL-00157	Đoàn Xuân Hòa	Chuyên viên	4.904.000	23	A	7.333.000						7.333.000	392.300	73.600	49.000	73.300	55.000				643.200	6.689.800	
22	HL-00055	Nguyễn Quốc Điệp	Chuyên viên	5.406.000	23	A	6.933.000						6.933.000	432.500	81.100	54.100	69.300	55.000			355.333	1.047.333	5.885.667	
23	HL-00093	Hà Duy Minh	Chuyên viên	4.904.000	24	A	6.933.000						6.933.000	392.300	73.600	49.000	69.300	55.000				639.200	6.293.800	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương phép		Lương 100%		PC HĐCĐ	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương			BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Thuế TN	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư			
24	HL-00885	Phạm Châu Ninh	Chuyên viên	4.904.000	23	A	6.995.480						6.995.480	392.300	73.600	49.000	70.000	55.000				639.900	6.355.580	
25	HL-00151	Lương Xuân Lương	Chuyên viên	5.406.000	23	A	6.995.480						6.995.480	432.500	81.100	54.100	70.000	55.000				692.700	6.302.780	
26	HL-02734	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chuyên viên	4.515.000	23	A	6.995.480						6.995.480	361.200	67.700	45.200	70.000	55.000				599.100	6.396.380	
27	HL-00306	Nguyễn Thị Thanh Loan	Chuyên viên	5.677.000	23	A	7.532.238						7.532.238	454.200	85.200	56.800	75.300	55.000				726.500	6.805.738	
28	HL-05058	Đinh Xuân Quảng	Chuyên viên	5.677.000	17	A	5.037.000	6	1.310.077				6.347.077	454.200	85.200	56.800	63.500	55.000				714.700	5.632.377	
29	HL-00854	Nguyễn Thị Thu Hương	Chuyên viên	5.149.000	23	A	6.437.000					810.000	7.247.000	411.900	77.200	51.500	72.500	55.000				668.100	6.578.900	
30	HL-00729	Nguyễn Hồng Phương	Chuyên viên	5.149.000	23	A	6.905.000						6.905.000	411.900	77.200	51.500	69.100	55.000				664.700	6.240.300	
31	HL-00138	Phạm Thanh Minh	Chuyên viên	4.670.000	20	A	6.083.026	3	538.846				6.621.872	373.600	70.100	46.700	66.200	55.000				611.600	6.010.272	
3	19	Tổ tập vụ hành chính			37		6.894.912	4	706.308				7.601.220	765.500	143.600	95.700	76.100	110.000				1.190.900	6.410.320	
32	HL-02732	Nguyễn Thị Lường	Nhân viên	4.977.000	18	A	3.255.000						3.255.000	398.200	74.700	49.800	32.600	55.000				610.300	2.644.700	
33	HL-04848	Đoàn Thị Nga	Nhân viên	4.591.000	19	A	3.639.912	4	706.308				4.346.220	367.300	68.900	45.900	43.500	55.000				580.600	3.765.620	
Tổng cộng					709		255.286.000	43	10.570.769	3	513.231	2.430.000	268.800.000	14.740.600	2.764.600	1.842.600	2.688.000	1.815.000	4.000.000	114.400	710.667	28.675.866	240.124.134	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 1 năm 2019

LẬP BIỂU

PHÒNG TCLĐ

P.KẾ TOÁN TRƯỞNG

P.GIÁM ĐỐC

Mã Thành Trung

Nguyễn Văn Thỏa

Đặng Thanh Lam

Phạm Văn Hùng